**Tổng hợp ý kiến góp ý tại Hội thảo tư vấn, thuyết minh rà soát, đề xuất bổ sung các chính sách khuyến khích**

**phát triển Nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Chính sách hiện có** | **Thuyết minh đề xuất bổ sung** |
| **I** | **Các chính sách khuyến khích** | | |
| **1** | **Chính sách hỗ trợ chuẩn hóa quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản** | | |
|  | (i) Các chính sách về tín dụng và đầu tư sản xuất tập trung, quy mô lớn, ổn định | **Nghị định 55/2015/NĐ-CP về Chính sách Tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn**  - Điều 14: Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết:  - Điều 15: Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:  Cho vay tối đa bằng 70%-80% giá trị dự án.  - Điều 8: Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng: hỗ trợ lãi suất vay thương mại bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư, hạn mức tối đa không quá 70% tổng đầu tư của dự án | *Đề xuất bổ sung:*  Danh mục “sản phẩm nông lâm thủy sản đạt nhãn hiệu, thương hiệu nông lâm thủy sản quốc gia; vùng miền, địa phương”  vào **danh mục đặc biệt ưu đãi, ưu đãi** được áp dụng các chính sách đã ban hành tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP.  ***Lý do:*** Phụ lục I của Nghị định 57/2018/NĐ-CP: Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn chưa bao gồm: sản phẩm nông, lâm, thủy sản đạt tiêu chí thương hiệu nông sản Việt Nam, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương |
| **Nghị định 57/2018/NĐ-CP về Cơ chế, Chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn**  - Điều 6: Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu, giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 7 năm tiếp theo;  - Doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa: miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 5 năm đầu, giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 10 năm tiếp theo |
| - Điều 11: Hỗ trợ đầu tư cơ sở bao gồm cơ sở chế biến nông sản, bảo quản nông sản: 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án  Hỗ trợ bảo quản nông sản: Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư (không quá 02 tỷ đồng/dự án)  - Điều 12: cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt: hỗ trợ 05 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng - Khoản 3 Điều 13: Dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô từ 5ha: hỗ trợ 200 triệu đồng/ha, mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án |
|  | (ii) Ưu tiên bố trí ngân sách nhân rộng mô hình | - Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Điều 7: Chính sách hỗ trợ tập trung đất đai, đối với dự án ưu đãi, đặc biệt ưu đãi đầu tư:  Thuê lại đất, mặt nước: Nhà nước hỗ trợ 20% tiền thuê;  Hỗ trợ hình thành vùng nguyên liệu: 50 triệu/ha, nhưng không quá 10 tỷ  - Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Điều 7: hỗ trợ chi phí xây dựng liên kết; Điều 8: hỗ trợ hạ tầng; Điều 9: Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm |
|  | (iii) Hỗ trợ kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn | Áp dụng các chính sách, nguồn hỗ trợ về khoa học công nghệ: | *Đề xuất bổ sung:*  - Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN khi chứng nhận sản phẩm được gắn thương hiệu quốc gia  - Ngân sách được bố trí hàng năm |
|  | (iv) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường | - Điều 10, Nghị định 57/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường:  Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 2 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian 03 tháng. | *Đề xuất bổ sung:*  Danh mục “sản phẩm nông lâm thủy sản đạt nhãn hiệu, thương hiệu nông lâm thủy sản quốc gia; vùng miền, địa phương”  vào **danh mục đặc biệt ưu đãi, ưu đãi** được áp dụng các chính sách đã ban hành |
| **2** | **Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam ở trong và ngoài nước** | | |
|  | (v) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đăng ký bảo hộ tại trong nước.  (vi) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đăng ký bảo hộ tại nước ngoài. | - Điều 10, Nghị định 57/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường: Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh;  Nghị Định 28/2018/NĐ-CP ngày 1/3/2018; Quyết định 30/2019/QĐ-TTg ngày 19/10/2019 về Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia: hỗ trợ thông qua các Đề án hàng năm. Đối tượng là các hàng hóa chung, bao gồm nông sản.  Khoản 2 phần II Điều 1 Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020: Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước | *Đề xuất bổ sung:*  - Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đăng ký bảo hộ tại trong nước.  - Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đăng ký bảo hộ tại nước ngoài. |
| 3 | **Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cho các chủ sở hữu, đơn vị tổ chức quản lý sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam** | | |
|  | (vii) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu ở trong nước.  (viii) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu tại nước ngoài. | Khoản 2 phần II Điều 1 Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020: Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước | *Đề xuất bổ sung:*  - Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu ở trong nước.  - Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu tại nước ngoài. |
|  | (ix) Hỗ trợ, bố trí kinh phí các chương trình tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn, tuyên truyền, phổ biến. | Nghị Định 28/2018/NĐ-CP ngày 1/3/2018; Quyết định 30/2019/QĐ-TTg ngày 19/10/2019 về Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia: hỗ trợ thông qua các Đề án hàng năm; Đối tượng là các hàng hóa chung, bao gồm nông sản. | *Đề xuất bổ sung:*  Nhà nước bố trí, hỗ trợ ngân sách hàng năm: Bộ Nông nghiệp và PTNT, các tỉnh/thành phố thông qua hình thức xây dựng Kế hoạch, Chương trình hàng năm |
| 4 | **Chính sách hỗ trợ các chương trình truyền thông, quảng bá, phát triển thị trường** | | |
|  | (x) Ưu tiên bố trí kinh phí tổ chức các chương trình truyền thông, quảng bá, phát triển thị trường quốc gia và quốc tế. | Điều 10, Nghị định 57/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường: Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước;  Phần II Điều 1 Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020: Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ; tuyên truyền, tư vấn; ứng dụng điện tử cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về SHTT. | *Đề xuất bổ sung:*  Nhà nước bố trí, hỗ trợ ngân sách hàng năm: Bộ Nông nghiệp và PTNT, các tỉnh/thành phố thông qua hình thức xây dựng Kế hoạch, Chương trình hàng năm |
|  | (xi) Hỗ trợ, bố trí kinh phí các chương trình tư vấn, kết nối, phát triển thị trường tiêu thụ tại trong nước và quốc tế. |
| **II** | **Cơ chế** |  |  |
|  | **Chương trình thương hiệu nông sản Việt Nam** | | |
| **1** | Ngân sách nhà nước | Chưa có Chương trình riêng cho sản phẩm nông sản Việt Nam | *Đề xuất bổ sung:*  - Nhà nước giao ngân sách hỗ trợ trung hạn và hàng năm theo mục:  - Chương trình nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.  Khi đủ điều kiện, lựa chọn chương trình: Bộ Tài chính giao mức chi tiết danh mục và mức vốn hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. |
| - Ngân sách địa phương: Nhà nước giao ngân sách để địa phương hỗ trợ cho các chương trình tại địa phương, đáp ứng quy định |
| **2** | Hiệp hội đăng ký bảo hộ, quản lý sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam | Hiện đang vướng mắc khi Hiệp hội nộp đơn đăng ký sản phẩm nông sản có địa danh “Việt Nam”; | Nhãn hiệu, thương hiệu các sản phẩm nông sản cấp quốc gia sử dụng tên gọi địa danh quốc gia “Việt Nam” do các Hiệp hội ngành hàng được giao quyền đứng tên chủ đơn đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam |
| **3** | **Các thủ tục hành chính** | | |
|  | Rà soát các thủ tục, biểu mẫu tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đề xuất quy định phù hợp | | Rà soát, bổ sung trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định |